

Số: 5417 /QĐ-UBND

Long Biên, ngày 26 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu biên chế đối với các trường**  
**THCS, Tiểu học, PTCS, Mầm non năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 640/TTr-NV ngày 25/12/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu biên chế viên chức, lao động hợp đồng định mức, lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với các trường THCS, Tiểu học, PTCS, Mầm non trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2025.

(Có bảng phân bổ chỉ tiêu kèm theo)

**Điều 2.** Biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên thực hiện theo Đề án giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, tổ chức bộ máy, biên chế và Đề án vị trí việc làm của đơn vị đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Hiệu trưởng các trường THCS, Tiểu học, PTCS, Mầm non công lập và các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:   
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT, NV. (06)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà



# CHỈ TIÊU GIAO BIÊN CHẾ KHỐI MÀM NON NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 5417/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND quận Long Biên)

| TT | Tên trường      | Số lớp  |          | Số học sinh |          | Tổng biên chế | Số giao biên chế |                       |                           |                            |                     |           |               |                     |   |
|----|-----------------|---------|----------|-------------|----------|---------------|------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------|-----------|---------------|---------------------|---|
|    |                 | Nhà trẻ | Mẫu giáo | Nhà trẻ     | Mẫu giáo |               | Viên chức        |                       |                           |                            |                     |           | LĐHĐ 111      |                     |   |
|    |                 |         |          |             |          |               | Tổng viên chức   | VTVL lãnh đạo quản lý | VTVL CDNN chuyên ngành    | VTVL chuyên môn dùng chung | VTVL hỗ trợ phục vụ |           |               | VTVL hỗ trợ phục vụ |   |
|    |                 |         |          |             |          |               | HT, PHT          | Giáo viên             | Kế toán, văn thư, thủ quỹ | NV y tế                    | NV nuôi dưỡng       | NV bảo vệ | NV nuôi dưỡng | NV bảo vệ           |   |
| 1  | Ánh Sao         | 2       | 12       | 53          | 377      | 45            | 33               | 3                     | 27                        | 2                          | 1                   |           |               | 10                  | 2 |
| 2  | Bắc Biên        | 2       | 10       | 60          | 230      | 36            | 28               | 3                     | 23                        | 2                          |                     |           |               | 6                   | 2 |
| 3  | Bắc Cầu         | 2       | 6        | 48          | 160      | 27            | 20               | 3                     | 15                        | 2                          |                     |           |               | 5                   | 2 |
| 4  | Bồ Đề           | 2       | 11       | 45          | 328      | 42            | 31               | 3                     | 25                        | 2                          | 1                   |           |               | 9                   | 2 |
| 5  | Chim Én         | 2       | 14       | 54          | 576      | 57            | 40               | 3                     | 35                        | 2                          |                     |           |               | 14                  | 3 |
| 6  | Cự Khối         | 3       | 11       | 75          | 387      | 44            | 31               | 3                     | 26                        | 2                          |                     |           |               | 11                  | 2 |
| 7  | Đức Giang       | 3       | 9        | 52          | 323      | 48            | 35               | 3                     | 29                        | 2                          |                     |           | 1             | 9                   | 4 |
| 8  | Gia Quất        | 3       | 9        | 53          | 305      | 38            | 27               | 3                     | 22                        | 2                          |                     |           |               | 9                   | 2 |
| 9  | Gia Thượng      | 2       | 14       | 48          | 532      | 50            | 35               | 3                     | 30                        | 2                          |                     |           |               | 13                  | 2 |
| 10 | Gia Thụy        | 2       | 10       | 65          | 355      | 45            | 32               | 3                     | 26                        | 2                          | 1                   |           |               | 10                  | 3 |
| 11 | Giang Biên      | 3       | 11       | 58          | 314      | 47            | 34               | 3                     | 29                        | 2                          |                     |           |               | 9                   | 4 |
| 12 | Hoa Anh Đào     | 3       | 13       | 85          | 571      | 53            | 36               | 3                     | 30                        | 2                          | 1                   |           |               | 15                  | 2 |
| 13 | Hoa Hướng Dương | 2       | 11       | 50          | 428      | 45            | 32               | 3                     | 27                        | 2                          |                     |           |               | 11                  | 2 |
| 14 | Hoa Mai         | 2       | 12       | 34          | 376      | 42            | 31               | 3                     | 26                        | 2                          |                     |           |               | 9                   | 2 |
| 15 | Hoa Phượng      | 2       | 7        | 38          | 175      | 31            | 22               | 3                     | 17                        | 2                          |                     |           |               | 7                   | 2 |
| 16 | Hoa Sen         | 1       | 8        | 30          | 186      | 31            | 24               | 3                     | 18                        | 2                          | 1                   |           |               | 5                   | 2 |
| 17 | Hoa Sữa         | 2       | 15       | 53          | 450      | 50            | 36               | 3                     | 31                        | 2                          |                     |           |               | 12                  | 2 |
| 18 | Hoa Thủy Tiên   | 2       | 12       | 60          | 411      | 49            | 36               | 3                     | 31                        | 2                          |                     |           |               | 11                  | 2 |
| 19 | Hồng Tiến       | 2       | 14       | 69          | 575      | 51            | 34               | 3                     | 29                        | 2                          |                     |           |               | 14                  | 3 |
| 20 | Long Biên       | 2       | 12       | 63          | 322      | 45            | 32               | 3                     | 26                        | 2                          | 1                   |           |               | 9                   | 4 |
| 21 | Long Biên A     | 2       | 9        | 56          | 341      | 37            | 26               | 3                     | 21                        | 2                          |                     |           |               | 9                   | 2 |
| 22 | Ngọc Thụy       | 3       | 11       | 62          | 398      | 50            | 37               | 3                     | 31                        | 2                          | 1                   |           |               | 11                  | 2 |
| 23 | Phúc Đồng       | 2       | 14       | 60          | 503      | 54            | 38               | 3                     | 32                        | 2                          | 1                   |           |               | 13                  | 3 |
| 24 | Phúc Lợi        | 2       | 9        | 50          | 275      | 36            | 26               | 3                     | 20                        | 2                          | 1                   |           |               | 7                   | 3 |

| TT | Tên trường       | Số lớp  |          | Số học sinh |          | Tổng biên chế | Số giao biên chế |                             |                              |                                  |                     |              |                  |                     |    |
|----|------------------|---------|----------|-------------|----------|---------------|------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------|--------------|------------------|---------------------|----|
|    |                  | Nhà trẻ | Mẫu giáo | Nhà trẻ     | Mẫu giáo |               | Viên chức        |                             |                              |                                  |                     |              | LĐHD 111         |                     |    |
|    |                  |         |          |             |          |               | Tổng viên chức   | VTVL<br>lãnh đạo<br>quản lý | VTVL CDNN<br>chuyên<br>ngành | VTVL<br>chuyên môn<br>dùng chung | VTVL hỗ trợ phục vụ |              |                  | VTVL hỗ trợ phục vụ |    |
|    |                  |         |          |             |          |               | HT, PHT          | Giáo viên                   | Kế toán, văn<br>thư, thủ quỹ | NV y tế                          | NV nuôi<br>dưỡng    | NV bảo<br>vệ | NV nuôi<br>dưỡng | NV bảo vệ           |    |
| 25 | Son Ca           | 2       | 8        | 55          | 305      | 41            | 30               | 3                           | 22                           | 2                                | 1                   | 2            |                  | 9                   | 2  |
| 26 | Tân Mai          | 2       | 7        | 45          | 270      | 31            | 22               | 3                           | 17                           | 2                                |                     |              |                  | 7                   | 2  |
| 27 | Thạch Bàn        | 3       | 14       | 86          | 564      | 55            | 37               | 3                           | 32                           | 2                                |                     |              |                  | 15                  | 3  |
| 28 | Thạch Cầu        | 2       | 8        | 55          | 320      | 34            | 23               | 3                           | 18                           | 2                                |                     |              |                  | 9                   | 2  |
| 29 | Thượng Thanh     | 2       | 6        | 40          | 186      | 30            | 22               | 3                           | 17                           | 2                                |                     |              |                  | 5                   | 3  |
| 30 | Tràng An         | 3       | 14       | 85          | 497      | 54            | 38               | 3                           | 32                           | 2                                | 1                   |              |                  | 13                  | 3  |
| 31 | Tuổi Hoa         | 2       | 9        | 64          | 295      | 43            | 31               | 3                           | 26                           | 2                                |                     |              |                  | 9                   | 3  |
| 32 | Việt Hưng        | 2       | 9        | 55          | 265      | 36            | 26               | 3                           | 21                           | 2                                |                     |              |                  | 7                   | 3  |
| 33 | Năng Mai         | 4       | 14       | 115         | 415      | 54            | 39               | 3                           | 34                           | 2                                |                     |              |                  | 13                  | 2  |
| 34 | Hoa Mộc Lan      | 3       | 10       | 67          | 375      | 42            | 30               | 3                           | 25                           | 2                                |                     |              |                  | 10                  | 2  |
| 35 | Ban Mai Xanh     | 3       | 12       | 90          | 460      | 49            | 34               | 3                           | 29                           | 2                                |                     |              |                  | 13                  | 2  |
| 36 | Nguyệt Quế       | 4       | 7        | 65          | 160      | 35            | 26               | 3                           | 21                           | 2                                |                     |              |                  | 6                   | 3  |
| 37 | Hoa Trạng Nguyên | 2       | 10       | 61          | 359      | 41            | 29               | 3                           | 22                           | 2                                | 1                   | 1            |                  | 10                  | 2  |
|    | Tổng             | 87      | 392      | 2204        | 13369    | 1598          | 1143             | 111                         | 942                          | 74                               | 12                  | 3            | 1                | 364                 | 91 |



**CHỈ TIÊU GIAO BIÊN CHẾ KHỐI TIỂU HỌC, PTCS NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 5417/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND quận Long Biên)

| TT | Tên trường             | Tổng số lớp | Tổng số học sinh | Tổng biên chế | Số giao biên chế |                        |                        |                      |                   |                     |                |                            |                                               |                     |                     |                                 |
|----|------------------------|-------------|------------------|---------------|------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------------------|----------------|----------------------------|-----------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------|
|    |                        |             |                  |               | Viên chức        |                        |                        |                      |                   |                     |                |                            |                                               |                     | LDHD 111            |                                 |
|    |                        |             |                  |               | Tổng viên chức   | VTVL lãnh đạo, quản lý | VTVL CDNN chuyên ngành |                      |                   |                     |                | VTVL chuyên môn dùng chung |                                               | VTVL hỗ trợ phục vụ | VTVL hỗ trợ phục vụ | VTVL chuyên môn                 |
|    |                        |             |                  |               |                  | HT, PHT                | Giáo viên cơ bản       | Giáo viên năng khiếu | Giáo viên tin học | Giáo viên ngoại ngữ | Tổng phụ trách | Nhân viên Thư viện         | Nhân viên Văn thư, Thủ quỹ, Kế toán, Thiết bị | Nhân viên Y tế      | Bảo vệ              | Giáo viên, nhân viên hành chính |
| I  | Các đơn vị chưa tự chủ |             |                  |               |                  |                        |                        |                      |                   |                     |                |                            |                                               |                     |                     |                                 |
| 1  | Ái Mộ A                | 22          | 830              | 45            | 38               | 2                      | 24                     | 4                    | 1                 | 2                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 2                   | 5                               |
| 2  | Ái Mộ B                | 30          | 1084             | 59            | 50               | 3                      | 33                     | 5                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 3  | Bồ Đề                  | 32          | 1257             | 62            | 53               | 3                      | 35                     | 6                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 4  | Cự Khối                | 27          | 1020             | 54            | 44               | 2                      | 30                     | 5                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 4                   | 6                               |
| 5  | Đoàn Kết               | 34          | 1337             | 64            | 55               | 3                      | 37                     | 6                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 6  | Đoàn Khuê              | 27          | 1026             | 52            | 43               | 2                      | 30                     | 5                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             |                     | 3                   | 6                               |
| 7  | ĐT Việt Hưng           | 31          | 1168             | 60            | 51               | 3                      | 34                     | 6                    | 1                 | 3                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 8  | Đức Giang              | 28          | 1095             | 57            | 48               | 3                      | 31                     | 6                    | 1                 | 3                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 9  | Gia Quất               | 28          | 1053             | 55            | 46               | 3                      | 31                     | 5                    | 1                 | 3                   |                | 1                          | 2                                             |                     | 3                   | 6                               |
| 10 | Gia Thượng             | 27          | 998              | 54            | 45               | 3                      | 30                     | 5                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 11 | Gia Thụy               | 38          | 1574             | 74            | 65               | 3                      | 42                     | 10                   | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 3                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 12 | Giang Biên             | 25          | 964              | 50            | 41               | 2                      | 28                     | 4                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 13 | Lê Quý Đôn             | 31          | 1304             | 59            | 49               | 3                      | 34                     | 5                    | 1                 | 3                   |                | 1                          | 2                                             |                     | 4                   | 6                               |
| 14 | Long Biên              | 38          | 1612             | 69            | 59               | 3                      | 42                     | 6                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             |                     | 4                   | 6                               |
| 15 | Lý Thường Kiệt         | 20          | 808              | 41            | 34               | 2                      | 22                     | 3                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 2                   | 5                               |
| 16 | Ngô Gia Tự             | 24          | 824              | 50            | 42               | 2                      | 26                     | 6                    | 1                 | 2                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 5                               |
| 17 | Ngọc Lâm               | 33          | 1297             | 63            | 54               | 3                      | 36                     | 6                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 18 | Ngọc Thụy              | 37          | 1501             | 69            | 60               | 3                      | 40                     | 7                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 3                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 19 | Phúc Đồng              | 30          | 1086             | 58            | 49               | 3                      | 33                     | 5                    | 1                 | 3                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 20 | Phúc Lợi               | 30          | 1224             | 59            | 50               | 3                      | 33                     | 5                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 21 | Sài Đồng               | 26          | 990              | 54            | 44               | 3                      | 29                     | 5                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 4                   | 6                               |
| 22 | Thạch Bàn A            | 29          | 1136             | 58            | 48               | 3                      | 32                     | 5                    | 1                 | 3                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 4                   | 6                               |

| TT         | Tên trường                              | Tổng số lớp | Tổng số học sinh | Tổng biên chế | Số giao biên chế |                        |                        |                      |                   |                     |                |                            |                                               |                     |                     |                                 |
|------------|-----------------------------------------|-------------|------------------|---------------|------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|---------------------|----------------|----------------------------|-----------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------|
|            |                                         |             |                  |               | Viên chức        |                        |                        |                      |                   |                     |                |                            |                                               |                     | LĐHD III            |                                 |
|            |                                         |             |                  |               | Tổng viên chức   | VTVL lãnh đạo, quản lý | VTVL CDNN chuyên ngành |                      |                   |                     |                | VTVL chuyên môn dùng chung |                                               | VTVL hỗ trợ phục vụ | VTVL hỗ trợ phục vụ | VTVL chuyên môn                 |
|            |                                         |             |                  |               |                  | HT, PHT                | Giáo viên cơ bản       | Giáo viên năng khiếu | Giáo viên tin học | Giáo viên ngoại ngữ | Tổng phụ trách | Nhân viên Thư viện         | Nhân viên Văn thư, Thủ quỹ, Kế toán, Thiết bị | Nhân viên Y tế      | Bảo vệ              | Giáo viên, nhân viên hành chính |
| 23         | Thạch Bàn B                             | 31          | 1213             | 61            | 52               | 3                      | 34                     | 6                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 24         | Thanh Am                                | 26          | 904              | 54            | 45               | 3                      | 29                     | 5                    | 1                 | 2                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 25         | Thượng Thanh                            | 27          | 1004             | 57            | 48               | 3                      | 30                     | 6                    | 1                 | 2                   | 1              | 1                          | 3                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 26         | Việt Hưng                               | 27          | 1038             | 54            | 45               | 2                      | 30                     | 5                    | 1                 | 2                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 27         | Vũ Xuân Thiều                           | 28          | 1093             | 57            | 48               | 3                      | 31                     | 5                    | 1                 | 3                   | 1              | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 6                               |
| 28         | Nguyễn Bình Khiêm                       | 19          | 742              | 42            | 34               | 2                      | 21                     | 4                    | 1                 | 2                   |                | 1                          | 2                                             | 1                   | 3                   | 5                               |
|            | <b>Tổng I</b>                           | <b>805</b>  | <b>31182</b>     | <b>1591</b>   | <b>1340</b>      | <b>76</b>              | <b>887</b>             | <b>151</b>           | <b>28</b>         | <b>72</b>           | <b>15</b>      | <b>28</b>                  | <b>59</b>                                     | <b>24</b>           | <b>87</b>           | <b>164</b>                      |
| <b>III</b> | <b>Trường dành cho người khuyết tật</b> |             |                  |               |                  |                        |                        |                      |                   |                     |                |                            |                                               |                     |                     |                                 |
| 1          | Hy Vọng                                 | 7           | 54               | 30            | 26               | 2                      | 16                     | 3                    | 1                 | 0                   | 1              | 1                          | 2                                             | 0                   | 4                   | 0                               |
|            | <b>Tổng II</b>                          | <b>7</b>    | <b>54</b>        | <b>30</b>     | <b>26</b>        | <b>2</b>               | <b>16</b>              | <b>3</b>             | <b>1</b>          | <b>0</b>            | <b>1</b>       | <b>1</b>                   | <b>2</b>                                      | <b>0</b>            | <b>4</b>            | <b>0</b>                        |
|            | <b>Tổng (I+II)</b>                      | <b>812</b>  | <b>31236</b>     | <b>1621</b>   | <b>1366</b>      | <b>78</b>              | <b>903</b>             | <b>154</b>           | <b>29</b>         | <b>72</b>           | <b>16</b>      | <b>29</b>                  | <b>61</b>                                     | <b>24</b>           | <b>91</b>           | <b>164</b>                      |



**CHỈ TIÊU GIAO BIÊN CHẾ KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 5417/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND quận Long Biên)

| TT | Tên trường             | Tổng số lớp | Tổng số học sinh | Tổng biên chế | Số giao biên chế |                              |                        |                      |                   |                |                      |                            |                                     |                |                     |
|----|------------------------|-------------|------------------|---------------|------------------|------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|----------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------------|----------------|---------------------|
|    |                        |             |                  |               | Viên chức        |                              |                        |                      |                   |                |                      |                            |                                     |                | LDHD 111            |
|    |                        |             |                  |               | Tổng viên chức   | VTVL<br>lãnh đạo,<br>quản lý | VTVL CDNN chuyên ngành |                      |                   |                |                      | VTVL chuyên môn dùng chung |                                     |                | VTVL hỗ trợ phục vụ |
|    |                        |             |                  |               |                  | HT, PHT                      | Giáo viên văn hóa      | Giáo viên năng khiếu | Giáo viên tin học | Tổng phụ trách | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên Thư viện         | Nhân viên Văn thư, Thủ quỹ, Kế toán | Nhân viên Y tế | Bảo vệ              |
| 1  | THCS Ái Mộ             | 36          | 1654             | 67            | 64               | 3                            | 49                     | 6                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 2  | THCS Bồ Đề             | 20          | 855              | 41            | 39               | 2                            | 27                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 2                   |
| 3  | THCS Chu Văn An        | 24          | 827              | 44            | 41               | 3                            | 28                     | 4                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   |                | 3                   |
| 4  | THCS Cự Khối           | 22          | 914              | 46            | 44               | 2                            | 30                     | 5                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 2                   |
| 5  | THCS Đô thị Việt Hưng  | 23          | 963              | 47            | 44               | 2                            | 31                     | 4                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 6  | THCS Đức Giang         | 24          | 1032             | 47            | 45               | 2                            | 33                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 2                   |
| 7  | THCS Gia Thụy          | 38          | 1840             | 71            | 68               | 3                            | 52                     | 6                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 8  | THCS Giang Biên        | 23          | 928              | 45            | 43               | 2                            | 31                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 2                   |
| 9  | THCS Lê Quý Đôn        | 24          | 936              | 48            | 45               | 2                            | 33                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 10 | THCS Long Biên         | 35          | 1491             | 67            | 64               | 3                            | 48                     | 6                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 11 | THCS Lý Thường Kiệt    | 26          | 1101             | 51            | 48               | 2                            | 36                     | 5                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   |                | 3                   |
| 12 | THCS Ngô Gia Tự        | 17          | 705              | 36            | 34               | 2                            | 23                     | 3                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 2                   |
| 13 | THCS Ngọc Lâm          | 28          | 1293             | 57            | 54               | 3                            | 38                     | 7                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 14 | THCS Ngọc Thụy         | 33          | 1396             | 63            | 60               | 3                            | 45                     | 6                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 15 | THCS Nguyễn Bình Khiêm | 20          | 897              | 41            | 39               | 2                            | 27                     | 4                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   |                | 2                   |
| 16 | THCS Phúc Đồng         | 16          | 631              | 36            | 33               | 2                            | 22                     | 3                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 17 | THCS Phúc Lợi          | 20          | 815              | 42            | 39               | 2                            | 27                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 18 | THCS Sài Đồng          | 32          | 1341             | 63            | 60               | 3                            | 44                     | 7                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 19 | THCS Thạch Bàn         | 43          | 1916             | 78            | 75               | 3                            | 59                     | 7                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 20 | THCS Thanh Am          | 20          | 769              | 40            | 38               | 2                            | 27                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   |                | 2                   |
| 21 | THCS Thượng Thanh      | 21          | 797              | 46            | 43               | 3                            | 29                     | 4                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 22 | THCS Việt Hưng         | 18          | 731              | 41            | 39               | 2                            | 25                     | 5                    | 1                 | 1              | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 2                   |
| 23 | THCS Gia Quất          | 17          | 687              | 38            | 35               | 2                            | 23                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |
| 24 | THCS Nguyễn Gia Thiều  | 18          | 628              | 36            | 33               | 2                            | 21                     | 4                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   | 1              | 3                   |

| TT | Tên trường  | Tổng số lớp | Tổng số học sinh | Tổng biên chế | Số giao biên chế |                              |                        |                      |                   |                |                      |                            |                                     |                |                     |
|----|-------------|-------------|------------------|---------------|------------------|------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|----------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------------|----------------|---------------------|
|    |             |             |                  |               | Viên chức        |                              |                        |                      |                   |                |                      |                            |                                     |                | LDHĐ 111            |
|    |             |             |                  |               | Tổng viên chức   | VTVL<br>lãnh đạo,<br>quản lý | VTVL CDNN chuyên ngành |                      |                   |                |                      | VTVL chuyên môn dùng chung |                                     |                | VTVL hỗ trợ phục vụ |
|    |             |             |                  |               |                  | HT, PHT                      | Giáo viên văn hóa      | Giáo viên năng khiếu | Giáo viên tin học | Tổng phụ trách | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên Thư viện         | Nhân viên Văn thư, Thủ quỹ, Kế toán | Nhân viên Y tế | Bảo vệ              |
| 25 | THCS Lý Sơn | 9           | 346              | 27            | 24               | 2                            | 14                     | 3                    | 1                 |                | 1                    | 1                          | 2                                   |                | 3                   |
|    | Tổng        | 607         | 25493            | 1218          | 1151             | 59                           | 822                    | 117                  | 25                | 8              | 25                   | 25                         | 50                                  | 20             | 67                  |